**Cấu trúc phân rã công việc  
(WBS)**

**<Tên dự án>**

**Tên công ty  
Địa chỉ**

**Ngày tháng năm**

**Giới thiệu**

Cấu trúc phân rã được trình bày ở đây đại diện cho tất cả công việc cần thiết để hoàn thành dự án này.

**Bản phác thảo**

1. Hệ thống quản lý thành phần
   1. Khởi đầu
      1. Đánh giá & Khuyến nghị
      2. Phát triển Dự án Điều lệ
      3. Deliverable: Gửi hiến chương dự án
      4. Nhà tài trợ dự án đánh giá điều lệ dự án
      5. Điều lệ dự án đã ký/phê duyệt
   2. Lên kế hoạch
      1. Bản báo cáo phạm vi sơ bộ
      2. Mục đích nhóm dự án
      3. Họp khởi động nhóm dự án
      4. Phát triển kế hoạch dự án
      5. Gửi bản kế hoạch dự án
      6. Quan trọng: Phê duyệt kế hoạch dự án
   3. Thực hiện
      1. Cuộc họp nhóm dự án
      2. Xác minh và xác nhận các yêu cầu của người dùng
      3. Thiết kế hệ thống
      4. Mua sắm phần cứng/phần mềm
      5. Cài đặt hệ thống phát triển
      6. Giai đoạn kiểm thử
      7. Cài đặt hệ thống trực tiếp
      8. Đào tạo người dùng
      9. Đi vào hoạt động
   4. Điều khiển
      1. Quản trị dự án
      2. Họp bàn trạng thái dự án
      3. Quản trị rủi ro
      4. Cập nhật kế hoạch quản trị dự án
   5. Kết thúc
      1. Kiểm soát mua hàng
      2. Ghi lại các bài học kinh nghiệm
      3. Cập nhật tệp/ hồ sơ
      4. Đạt được sự chấp nhận chính thức
      5. Lưu trữ tệp/ tài liệu

**Cấu trúc phân cấp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cấp độ | Mã WBS | Tên phần tử |
| 1 | 1 | Hệ thống quản lý tiện ích con |
| 2 | 1.1 | Bắt đầu |
| 3 | 1.1.1 | Đánh giá & Khuyến nghị |
| 3 | 1.1.2 | Xây dựng các điều lệ dự án |
| 3 | 1.1.3 | Chuyển giao: Nộp các điều lệ dự án |
| 3 | 1.1.4 | Nhà tài trợ dự án đánh giá các điều lệ dự án |
| 3 | 1.1.5 | Điều lệ dự án được ký/ chấp thuận |
| 2 | 1.2 | Lên kế hoạch |
| 3 | 1.2.1 | Khởi tạo bản tóm tắt sơ bộ |
| 3 | 1.2.2 | Xác định nhóm dự án |
| 3 | 1.2.3 | Họp khởi động nhóm dự án |
| 3 | 1.2.4 | Phát triển kế hoạch dự án |
| 3 | 1.2.5 | Nộp kế hoạch dự án |
| 3 | 1.2.6 | Mốc quan trọng: Phê duyệt kế hoạch dự án |
| 2 | 1.3 | Thực thi |
| 3 | 1.3.1 | Họp khởi động dự án |
| 3 | 1.3.2 | Xác minh và xác thực các yêu cầu của người dùng |
| 3 | 1.3.3 | Thiết kế hệ thống |
| 3 | 1.3.4 | Mua sắm phần cứng/ phần mềm |
| 3 | 1.3.5 | Cài đặt hệ thống phát triển |
| 3 | 1.3.6 | Phiên bản thử nghiệm |
| 3 | 1.3.7 | Cài đặt hệ thống thực |
| 3 | 1.3.8 | Đào tạo người dùng |
| 3 | 1.3.9 | Đi vào hoạt động |
| 2 | 1.4 | Điều khiển |
| 3 | 1.4.1 | Quản trị dự án |
| 3 | 1.4.2 | Họp bàn trạng thái dự án |
| 3 | 1.4.3 | Quản trị rủi ro |
| 3 | 1.4.4 | Cập nhật kế hoạch quản trị dự án |
| 2 | 1.5 | Kết thúc |
| 3 | 1.5.1 | Kiểm soát mua hàng |
| 3 | 1.5.2 | Ghi lại các bài học kinh nghiệm |
| 3 | 1.5.3 | Cập nhật tệp/ hồ sơ |
| 3 | 1.5.4 | Đạt được sự chấp nhận chính thức |
| 3 | 1.5.5 | Lưu trữ tệp/ tài liệu |

**Chế độ xem dạng bảng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cấp độ 1 | Cấp độ 2 | Cấp độ 3 |
| 1 Hệ thống quản lý tiện ích con | 1.1 Bắt đầu | 1.1.1 Đánh giá & Khuyến nghị  1.1.2 Xây dựng các điều lệ dự án  1.1.3 Chuyển giao: Nộp các điều lệ dự án  1.1.4 Nhà tài trợ dự án đánh giá các điều lệ dự án  1.1.5 Điều lệ dự án được ký/ chấp thuận |
| 1.2 Lên kế hoạch | 1.2.1 Khởi tạo bản tóm tắt sơ bộ  1.2.2 Xác định nhóm dự án  1.2.3 Họp khởi động nhóm dự án  1.2.4 Phát triển kế hoạch dự án  1.2.5 Nộp kế hoạch dự án  1.2.6 Mốc quan trọng: Phê duyệt kế hoạch dự án |
| 1.3 Thực thi | 1.3.1 Họp khởi động dự án  1.3.2 Xác minh và xác thực các yêu cầu của người dùng  1.3.3 Thiết kế hệ thống  1.3.4 Mua sắm phần cứng/ phần mềm  1.3.5 Cài đặt hệ thống phát triển  1.3.6 Phiên bản thử nghiệm  1.3.7 Cài đặt hệ thống thực  1.3.8 Đào tạo người dùng  1.3.9 Đi vào hoạt động |
| 1.4 Điều khiển | 1.4.1 Quản trị dự án  1.4.2 Họp bàn trạng thái dự án  1.4.3 Quản trị rủi ro  1.4.4 Cập nhật kế hoạch quản trị dự án |
| 1.5 Kết thúc | 1.5.1 Kiểm soát mua hàng  1.5.2 Ghi lại các bài học kinh nghiệm  1.5.3 Cập nhật tệp/ hồ sơ  1.5.4 Đạt được sự chấp nhận chính thức  1.5.5 Lưu trữ tệp/ tài liệu |

**Chế độ xem dạng cây**

**Từ điển WBS**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cấp độ | Mã WBS | Tên phần tử | Định nghĩa |
| 1 | 1 | Hệ thống quản lý tiện ích con | Tất cả hoạt động để triển khai một hệ thống quản lý tiện ích con mới |
| 2 | 1.1 | Bắt đầu | Công việc để bắt đầu dự án |
| 3 | 1.1.1 | Đánh giá & Khuyến nghị | Làm việc nhóm để đánh giá các giải pháp và đưa ra các lời khuyên |
| 3 | 1.1.2 | Xây dựng các điều lệ dự án | Quản trị dự án xây dựng các điều lệ dự án |
| 3 | 1.1.3 | Chuyển giao: Nộp các điều lệ dự án | Điều lệ dự án được chuyển giao cho nhà tài trợ dự án |
| 3 | 1.1.4 | Nhà tài trợ dự án đánh giá các điều lệ dự án | Nhà tài trợ dự án đưa ra đánh giá các điều lệ dự án |
| 3 | 1.1.5 | Điều lệ dự án được ký/ chấp thuận | Nhà tài trợ dự án ký Điều lệ dự án ủy quyền cho người quản lý dự án và chuyển sang quy trình lập kế hoạch |
| 2 | 1.2 | Lên kế hoạch | Các công việc cho quá trình lập kế hoạch cho dự án |
| 3 | 1.2.1 | Khởi tạo bản tóm tắt sơ bộ | Quản lý dự án tạo Tuyên bố Phạm vi Sơ bộ |
| 3 | 1.2.2 | Xác định nhóm dự án | Quản lý dự án xác định nhóm dự án và yêu cầu các nguồn lực |
| 3 | 1.2.3 | Họp khởi động nhóm dự án | Quá trình lập kế hoạch chính thức được bắt đầu với cuộc họp khởi động dự án bao gồm Người quản lý dự án, Nhóm dự án và Nhà tài trợ dự án |
| 3 | 1.2.4 | Phát triển kế hoạch dự án | Nhóm phát triển kế hoạch dự án |
| 3 | 1.2.5 | Nộp kế hoạch dự án | Quản lý dự án nộp kế hoạch dự án để phê duyệt. |
| 3 | 1.2.6 | Mốc quan trọng: Phê duyệt kế hoạch dự án | Kế hoạch dự án được phê duyệt và quản lý dự án được phép tiến hành thực hiện dự án |
| 2 | 1.3 | Thực thi | Các công việc liên quan để thực hiện dự án |
| 3 | 1.3.1 | Họp khởi động dự án | Nhà quản trị dự án tiến hành mở một cuộc họp chính thức với nhóm dự án, các bên liên quan và nhà tài trợ dự án. |
| 3 | 1.3.2 | Xác minh và xác thực các yêu cầu của người dùng | Các yêu cầu ban đầu của người dùng được người quản lý dự án và nhóm dự án xem xét, sau đó được xác nhận với người dùng/ các bên liên quan. Đây là nơi có thể cần làm rõ thêm trong dự án. |
| 3 | 1.3.3 | Thiết kế hệ thống | Các nguồn lực kỹ thuật tiến hành thiết kế hệ thống quản lý tiện ích con mới |
| 3 | 1.3.4 | Mua sắm phần cứng/ phần mềm | Việc mua sắm tất cả các nhu cầu phần cứng, phần mềm và cơ sở vật chất cho dự án. |
| 3 | 1.3.5 | Cài đặt hệ thống phát triển | Nhóm dự án tiến hành cài đặt một hệ thống phát triển để thử nghiệm và tùy chỉnh giao diện người dùng |
| 3 | 1.3.6 | Phiên bản thử nghiệm | Hệ thống được thử nghiệm với một nhóm người dùng được chọn |
| 3 | 1.3.7 | Cài đặt hệ thống thực | Hệ thống thực tế được cài đặt và cấu hình |
| 3 | 1.3.8 | Đào tạo người dùng | Tất cả người dùng được cung cấp một lớp đào tạo 4 giờ. Ngoài ra, các nhà quản lý được cung cấp một lớp học thêm 2 giờ bao gồm các báo cáo nâng cao. |
| 3 | 1.3.9 | Đi vào hoạt động | Hệ thống đi vào hoạt động với tất cả người dùng |
| 2 | 1.4 | Điều khiển | Các công việc liên quan đến quá trình kiểm soát của dự án |
| 3 | 1.4.1 | Quản trị dự án | Quản lý tổng thể cho dự án |
| 3 | 1.4.2 | Họp bàn trạng thái dự án | Các cuộc họp trạng thái nhóm hàng tuần |
| 3 | 1.4.3 | Quản trị rủi ro | quản lý rủi ro được xác định trong kế hoạch |
| 3 | 1.4.4 | Cập nhật kế hoạch quản trị dự án | Cập nhật kế hoạch quản lý dự án khi dự án tiến triển |
| 2 | 1.5 | Kết thúc | Công việc kết thúc dự án |
| 3 | 1.5.1 | Kiểm soát mua hàng | Kiểm soát tất cả phần cứng và phần mềm được mua cho dự án, đảm bảo rằng tất cả đều được hạch toán trong hệ thống quản lý tài sản |
| 3 | 1.5.2 | Ghi lại các bài học kinh nghiệm | Quản lý dự án cùng với nhóm dự án thực hiện một cuộc họp rút kinh nghiệm và ghi lại các bài học kinh nghiệm cho dự án |
| 3 | 1.5.3 | Cập nhật tệp/ hồ sơ | Tất cả các tệp và hồ sơ được cập nhật để phản ánh hệ thống quản lý tiện ích . |
| 3 | 1.5.4 | Đạt được sự chấp nhận chính thức | Nhà tài trợ dự án chính thức chấp nhận dự án bằng cách ký vào văn bản nghiệm thu có trong kế hoạch dự án |
| 3 | 1.5.5 | Lưu trữ tệp/ tài liệu | Tất cả các tệp và tài liệu liên quan đến dự án được lưu trữ chính thức |

**Bảng chú giải thuật ngữ**

|  |  |
| --- | --- |
| Level of Effort: | Level of Effort (LOE) là khối lượng công việc cần thiết để hoàn thành một nhiệm vụ. |
| WBS Code | Một mã định danh duy nhất được gán cho mỗi phần tử trong Cấu trúc phân chia công việc nhằm mục đích chỉ định vị trí phân cấp của các phần tử trong WBS. |
| Work Package: | Gói công việc là một thành phần công việc có thể bàn giao hoặc công việc ở mức thấp nhất của nhánh WBS của nó. |
| WBS Component: | Một thành phần của WBS được đặt ở bất kỳ mức độ nào. Nó có thể là gói công việc hoặc phần tử WBS vì không có hạn chế nào về thành phần WBS. |
| WBS Element: | Một phần tử WBS là một thành phần WBS đơn lẻ và các thuộc tính liên quan của nó nằm ở bất cứ nơi nào trong WBS. Một phần tử WBS có thể chứa công việc hoặc nó có thể chứa các phần tử WBS hoặc gói công việc khác |